

Thao
29975

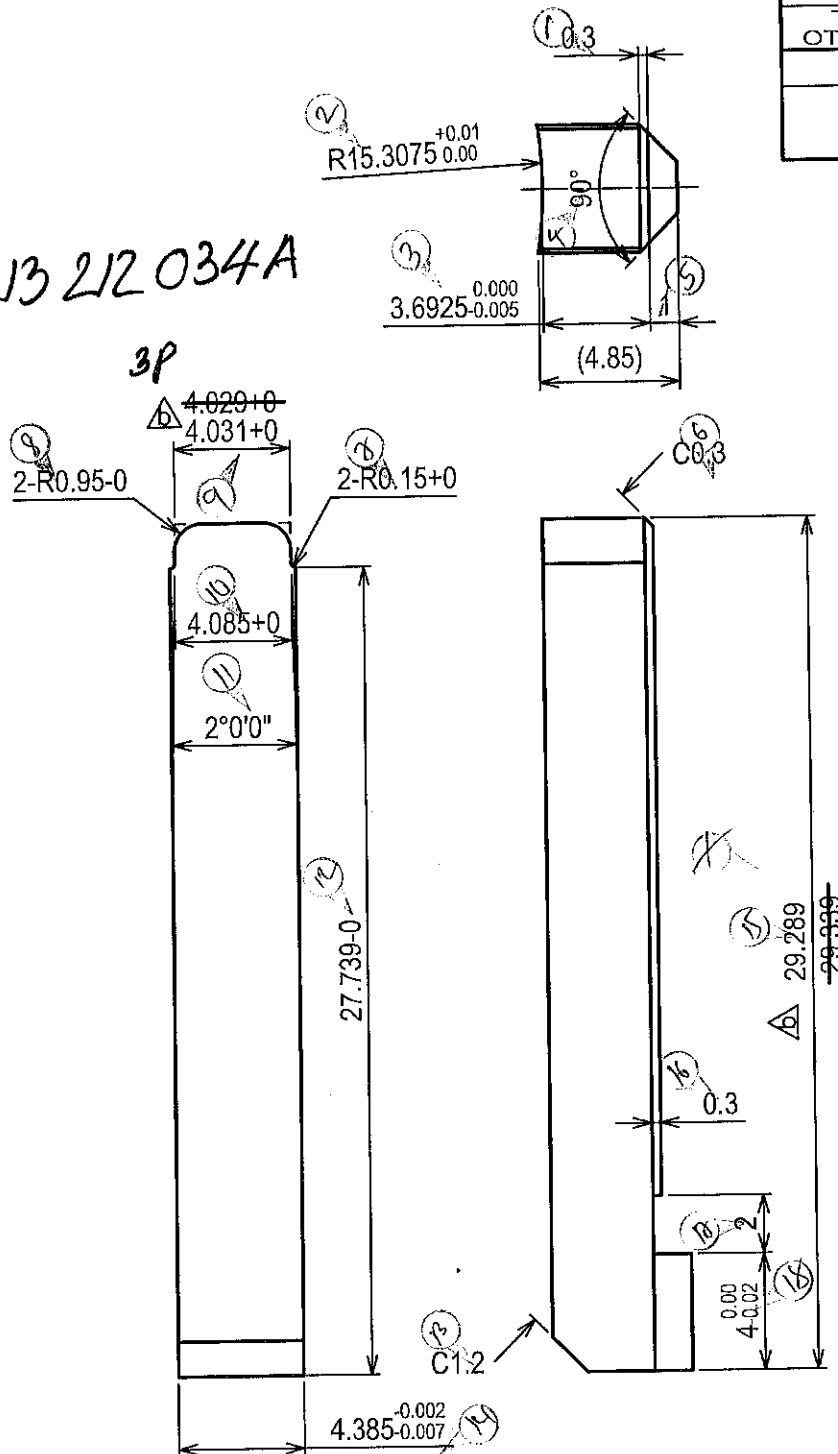
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2015/09/09					0.0000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△b	2017/08/11	对策1.5寸法制品形状不変更				0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT
OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

1.6

213 212 034A



TC = 1/10

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
K.Ebashi	T.Yajima	部品図		コア入子
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		CORE INSERT
HRC 0° ~ 0°		部品図		鐵芯片嵌具
MATERIAL	DATE	SCALE		鐵芯片嵌具
NA30	2015/09/09	4:1		DWG.No.
				R021025

T8 x 6 x 31

414 212 0158

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	